

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HS-ST
Ngày: 13-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền;

Ông Huỳnh Trường Huân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Phú, Tòa án nhân dân huyện An Phú đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 08/2022/HSST ngày 25/02/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 23/TB-TA ngày 06 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Võ Văn B, sinh năm 1976. Giới tính: Nam. Nơi ĐKKHKT: Ấp H1, xã Đ, huyện An Phú, An Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Hòa Hảo. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 6/12. Con ông Võ Văn S, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952 (đã chết).

- Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an huyện An Phú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** Bà Ngô Thị Dừa E, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp H I, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 11/5/2004;

Địa chỉ: Ấp H I, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An G.

Ông Trương Phước G, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp Phước Quản, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An G.

Bà Cam Thị M, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp H I, xã Đ, huyện An Phú, tỉnh An G.

(Tất cả đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 13/12/2021, Võ Văn B đến căn trại của bà Ngô Thị Dừa E ngụ ấp H 1, xã Đ, huyện An Phú để uống rượu cùng ông Lê Thanh T1 (là chồng bà E). Uống rượu xong, B ngủ lại trại của bà E và nằm cùng giường với Phước (người làm thuê cho bà E), còn bà E và ông T1 ngủ ở giường bên cạnh, cách nhau khoảng 30 – 50 cm.

Đến khoảng 00 giờ ngày 14/12/2021 B thức giấc, nhớ lại trước đây bà E từng khoe 01 bọc ni lông đựng vàng 18 kara và 24 kara mà bà tích lũy được để trong túi áo khoác màu xanh, nên B nảy sinh ý định lấy trộm. Lúc này, B quan sát thấy mọi người đã ngủ, áo khoác màu xanh đựng vàng của bà E để cặp mép giường, B liền lấy trộm số vàng trong túi áo khoác, gồm: 01 dây chuyền chữ Công, vàng 24 kara, trọng lượng 9,815 chỉ; 01 lắc tay JVC, vàng 24 kara, trọng lượng 9,96 chỉ; 01 nhẫn trơn, vàng 24 kara, trọng lượng 4,98 chỉ; 01 vòng Chanel hột trắng, vàng 18 kara, trọng lượng 4,72 chỉ; 01 nhẫn bông mai, vàng 18 kara, trọng lượng 0,985 chỉ và 01 nhẫn hột trắng vàng 18 kara, trọng lượng 1,27 chỉ.

Lấy trộm xong, B đem vàng đến bụi chuối cách trại của bà E khoảng 100 mét cất giấu, sau đó đi uống rượu. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, B lấy 01 nhẫn trơn vàng 24 kara, trọng lượng 4,98 chỉ đến tiệm cầm đồ “Phát T” cầm với giá 15.000.000 đồng, số vàng còn lại B mang về nhà cất giấu. Sau đó, B đến nhà anh Trương Văn G ngụ ấp PQ, xã Đ, huyện An Phú dự đám giỗ và nhờ anh G giữ dùm 10.000.000 đồng, trả nợ cho chị Cam Thị M 390.000 đồng, tiêu xài cá nhân khoảng 760.000 đồng.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, bà E phát hiện việc mất trộm, nên đến Công an xã trình báo. Do nghi vấn, nên Công an mời B về trụ sở làm việc, qua đấu tranh B thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản như vụ án và tự nguyện giao nộp số vàng cất giấu tại nhà cùng số tiền 3.850.000 đồng.

* Căn cứ **Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02 ngày 20/12/2021** của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang, xác định:

- 01 dây chuyền chữ Công vàng 24 kara, loại 99 %, trọng lượng 9,815 chỉ. Mua vào: 50.056.500 đồng, bán ra 50.841.700 đồng.

- 01 lắc tay JVC vàng 24 kara, loại 99 %, trọng lượng 9,96 chỉ. Mua vào: 50.796.000 đồng, bán ra: 51.592.800 đồng;

- 01 nhẫn trơn vàng 24 kara, loại 99,9 %, trọng lượng 4, 98 chỉ. Mua vào: 25.597.200 đồng, bán ra: 25.796.400 đồng;

- 01 vòng Chanel hột trắng vàng 18 kara, loại 60 %, trọng lượng 4,72 chỉ. Mua vào: 14.018.400 đồng, bán ra 15.198.400 đồng;

- 01 nhẫn bông mai vàng 18 kara, loại 60 %, trọng lượng 0,985 chỉ. Mua vào: 2.925.450 đồng, bán ra 3.171.700 đồng;

- 01 nhẫn hột trắng vàng 18 kara, loại 60 %, trọng lượng 1,27 chỉ. Mua vào: 3.771.900 đồng, bán ra: 4.089.400 đồng.

Tổng giá trị tài sản: Mua vào là: 147.165.450 đồng; Bán ra là: 150.690.400 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT – VKS.AP ngày 25/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Võ Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo có mặt, thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, khai nhận nảy sinh ý định lấy trộm tài sản khi thấy bà E sơ hở trong việc trông giữ tài sản.

* Lời khai của bị hại, bà Ngô Thị Dừa E trình bày phù hợp nội dung vụ án. Hiện bà đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu bồi thường gì thêm, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho B.

Đồng thời, ngày 22/12/2021 bà có tự nguyện giao nộp số tiền 1.150.000 đồng, thay B khắc phục đủ số tiền 15.000.000 đồng trả cho tiệm cầm đồ “Phát T” và không có yêu cầu B trả lại số tiền này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lời khai tại cơ quan điều tra như sau:

- Ông Nguyễn Văn T, cho biết: Ông không biết chiếc nhẫn trơn vàng 24 kara, trọng lượng 4,98 chỉ mà B mang đến cầm là do lấy trộm mà có. Qua sự việc,

ông đã tự nguyện giao nộp chiếc nhẫn trên cho Công an xã. Hiện, đã nhận lại số tiền 15.000.000 đồng, nên không có yêu cầu gì thêm.

- Ông Trương Văn G, cho biết: Trưa ngày 14/12/2021, B có đến nhà dự đám giỗ, sau đó nhờ ông giữ dùm số tiền 10.000.000 đồng, ông không biết tiền là do lấy trộm vàng đi cầm mà có, nên nhận giữ. Sau sự việc, đã giao nộp lại số tiền trên cho Công an xã.

- Bà Cam Thị M (Gái), cho biết: Khoảng 2 – 3 ngày trước B có mua thiếu của bà 01 thùng bia Tiger, với giá 390.000 đồng. Đến ngày 14/12/2021, B mang tiền đến trả, không biết số tiền này từ đâu B có.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo B với mức án từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về biện pháp tư pháp:

Bà E đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Ông T đã nhận lại tiền và không yêu cầu gì thêm, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt. Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng xin lỗi bị hại, bị cáo biết hành vi của mình là sai, ăn năn hối cải và xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện An Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến

hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Xét thấy: Những người tham gia tố tụng vắng mặt đã có lời khai tại Cơ quan cảnh sát Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Ngô Thị Dừa E, vào lúc 00 giờ 00 phút ngày 14/12/2021 bị cáo B đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 bọc ni lông đựng vàng 18 kara và 24 kara có tổng giá trị 147.165.450 đồng mà bà E tích lũy được để trong túi áo khoác màu xanh để cặp mép giường. Sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã đE 01 nhẫn trơn vàng 24 kara, trọng lượng 4,98 chỉ đến tiệm cầm đồ “Phát T” cầm với giá 15.000.000 đồng, số vàng còn lại B mang về nhà cất giấu. Sau đó, B gửi nhờ anh Trương Văn G giữ dùm 10.000.000 đồng, trả nợ cho chị Cam Thị M 390.000 đồng, tiêu xài cá nhân khoảng 760.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Căn cứ các quy định pháp luật, hành vi trên của bị cáo B đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo Võ Văn B về tội danh, điều luật (đã viện dẫn) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với ông T, bà M tuy có liên quan đến giao dịch từ tài sản bị cáo lấy trộm nhưng không hay biết hoặc liên quan đến việc phạm tội nên không xem xét trách nhiệm của những người này trong vụ án này.

[3] Xét về tính chất vụ án thì thấy như sau:

Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo B là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ nhận thức, năng lực hành vi, có sức khỏe để lao động, tự tạo ra của cải phục vụ cho sinh hoạt cá nhân nhưng chỉ vì bản chất tham lam, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã có hành vi lấy trộm tài sản của bà E. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, thể hiện sự cố ý thực hiện tội phạm đến cùng, tội phạm đã hoàn thành.

Về nhân thân: Mặc dù bị cáo có nhân thân tốt, tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương đồng thời thể hiện sự táo bạo, manh động khi thực hiện tội phạm cho nên cần phải có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian nhất định để răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình có xem xét các tình tiết như quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; là thành phần lao động nghèo, trình độ học vấn thấp; tài sản đã trả lại cho bị hại và bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt:

Xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nhưng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, do vậy Hội đồng xét xử quyết định xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

Lẽ ra bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, tuy nhiên xét thấy hoàn cảnh kinh tế bị cáo khó khăn nên không áp dụng.

[5] Các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tài sản, ông T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 15.000.000 đồng, ông G, bà M không có yêu cầu liên quan đến việc bị cáo gửi tiền, trả tiền nên không xem xét giải quyết.

Vật chứng thu giữ trong vụ án đã trả lại cho bị hại, do vậy không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 38, Điều 47, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; các Điều 106, 292, 293, 333 và 336 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Võ Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Võ Văn B 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 14/12/2021).

Về án phí: Bị cáo B phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An G xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- Những người tham gia tố tụng;
- CA, VKS huyện AP;
- Tòa án tỉnh AG;
- Sở TP AG;
- THA DS H.An Phú;
- Cơ quan THA HS;
- Lưu HS – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Bảo